

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14/8/2018
*"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đàm Thuyên
2. Ông Nguyễn Hồng Diệm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:Bà Hoàng Thị Lượng - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:15/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2018/QĐST-DS, ngày 03/8/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị M, sinh năm 1995 (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã K, huyện B, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Đặng Thị M trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn C tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện B, tỉnh H vào ngày 11/11/2014 trên

cơ sở tự nguyện của cả đôi bên. Sau khi kết hôn chị về nhà anh C tại Thôn M, xã K, huyện B, tỉnh H để sinh sống. Quá trình chung sống, thời gian đầu của thời kỳ hôn nhân anh chị chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh C có nghi ngờ chị không chung thủy có quan hệ ngoại tình dẫn đến hai anh chị xảy ra cãi vã, xô sát nhau. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được bạn bè, hai bên gia đình hòa giải, công an xã hòa giải nhưng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay, mỗi người sống một nơi, không quan tâm gì đến nhau việc ai người đẩy làm. Chị M nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị Đặng Thị M trình bày vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 11/5/2015. Khi ly hôn chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu anh C có ý kiến bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của chị M và gửi văn bản cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo về cho Tòa án, Tòa án triệu tập bị đơn là anh Nguyễn Văn C nhiều lần nhưng anh Nguyễn Văn C cố tình trốn tránh không đến Tòa án, không đến UBND xã để lấy lời khai và hòa giải. Do đó, Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại các biên bản xác minh ngày 17/5/2018, ngày 19/6/2018 và ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang với bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn C; chị Phạm Thị P là trưởng thôn M, xã K; ông Nguyễn Văn N là công chức tư pháp của UBND xã K nơi chị Đặng Thị M và anh Nguyễn Văn C sinh sống, phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Chị Đặng Thị M và anh Nguyễn Văn C tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện B, tỉnh H vào ngày cuối năm 2014 trên cơ sở tự nguyện của cả đôi bên. Sau khi kết hôn chị M về nhà anh C tại Thôn M, xã K, huyện B, tỉnh H để sinh sống. Quá trình chung sống, ngay thời gian đầu của thời kỳ hôn nhân anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh C không tu trí làm ăn dẫn đến hai anh chị xảy ra cãi vã, xô sát nhau. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được bạn bè, hai bên gia đình hòa giải nhưng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay, mỗi người sống một nơi, không quan tâm gì đến nhau việc ai người đẩy làm. Quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 11/5/2015. Hiện nay cháu A đang do bà T chăm sóc, chị M vẫn về thăm con và

hàng tháng vẫn gửi tiền về cho bà T nuôi dưỡng cháu A. Về tài sản chung, anh chị không tạo lập được tài sản chung.

Tại phiên toà hôm nay, Chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin được ly hôn anh C, về con chung chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 11/5/2015, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, chị M không yêu cầu Toà án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, **khoản 1 Điều 39**, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, **53**, Điều 56 Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội xử cho chị Đặng Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn C; về việc nuôi con chung đề nghị HĐXX, giao cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 11/5/2015 cho chị Đặng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con; về án phí đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn là chị Đặng Thị M có đơn khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với bị đơn là anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn C cư trú tại thôn M, xã K, huyện B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn anh Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên toà không có lý do, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn C.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị M và anh Nguyễn Văn C xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị có thời gian ngắn chung sống với nhau hạnh phúc. Đến đầu năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh C không tu trí làm ăn dẫn đến hai anh chị xảy ra cãi vã, xô sát nhau. Mâu thuẫn giữa hai anh chị diễn ra thường

xuân, trong thời gian dài đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng quan hệ hôn nhân của anh chị vẫn không được cải thiện. Vì vậy đến đầu năm 2017 anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh C không có mặt để Tòa án lấy lời khai và hoà giải. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Đặng Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

[2.2] Về việc nuôi con: Quá trình chung sống, chị Đặng Thị M và anh Nguyễn Văn C có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 11/5/2015. Khi ly hôn chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu A, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Nguyễn Phương A còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, trong thời gian anh chị sống ly thân, hàng tháng chị gửi tiền cấp dưỡng nuôi cháu A và chị dành thời gian về thăm nom, chăm sóc và giáo dục cháu, nguyện vọng nuôi con của chị M cũng xuất phát từ lợi ích, từ tình cảm đối với con, quá trình giải quyết vụ án anh C không thể hiện nguyện vọng về việc nuôi con. Vì vậy căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu A cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về chia tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4] Ngoài ra nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về nuôi con: Xử giao cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 11/5/2015 cho chị Đặng Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 03416, ngày 19/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Hồng

